

Số: 29/2024/CV-SGT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên Tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Mã chứng khoán: SGT

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp,  
Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3715 9909

Fax: 028.5437 1074

Email: [info@saigontel.vn](mailto:info@saigontel.vn)

Website: [www.saigontel.vn](http://www.saigontel.vn)

**Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo tài chính Riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2023
- Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023
- Công văn Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Riêng lẻ và BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn [www.saigontel.vn](http://www.saigontel.vn) mục Quan hệ cổ đông vào ngày 28/03/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- CV CBTT BCTC
- Báo cáo tài chính riêng và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023 đính kèm Công văn giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Cẩm Phương*

Số: 30 /2024/CV-SGT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024.

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC  
kiểm toán năm 2023.

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ vào:

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- BCTC Riêng và Hợp nhất Quý 4/2023 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") đã công bố ngày 30/01/2024
- BCTC Riêng và Hợp nhất kiểm toán năm 2022 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore Aisc ("MOORE AISC") công bố ngày 28/03/2023
- BCTC Riêng và Hợp nhất kiểm toán năm 2023 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore Aisc ("MOORE AISC") công bố ngày 28/03/2024

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (mã CK "SGT") xin giải trình như sau:

1. **Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQKD của kỳ báo cáo kiểm toán năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên so với năm 2022**

➤ **Tại BCTC Riêng lẻ:**



Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	KQKD riêng lẻ Kiểm Toán Năm 2023	KQKD riêng lẻ Kiểm Toán Năm 2022	Thay đổi	Tỷ lệ
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4) = (3) / (2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	457,054,389,480	660,423,385,464	(203,368,995,984)	-31%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	457,054,389,480	660,423,385,464	(203,368,995,984)	-31%
4. Giá vốn hàng bán	227,337,064,959	332,529,815,625	(105,192,750,666)	-32%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	229,717,324,521	327,893,569,839	(98,176,245,318)	-30%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	10,544,683,735	26,577,355,110	(16,032,671,375)	-60%
7. Chi phí tài chính	79,521,251,696	156,926,745,717	(77,405,494,021)	-49%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>71,791,521,746</i>	<i>67,813,717,866</i>	<i>3,977,803,880</i>	<i>6%</i>
8. Chi phí bán hàng	3,796,592,888	12,354,927,231	(8,558,334,343)	-69%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	96,725,930,529	70,787,463,784	25,938,466,745	37%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	60,218,233,143	114,401,788,217	(54,183,555,074)	-47%
11. Thu nhập khác	2,598,286,404	881,741,220	1,716,545,184	195%
12. Chi phí khác	936,415,098	6,617,438,802	(5,681,023,704)	-86%
13. Lợi nhuận khác	1,661,871,306	(5,735,697,582)	7,397,568,888	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61,880,104,449	108,666,090,635	(46,785,986,186)	-43%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33,225,728,094	29,143,097,045	4,082,631,049	14%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(765,592,089)	(765,592,089)	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29,419,968,444	80,288,585,679	(50,868,617,235)	-63%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 đã kiểm toán giảm 50,8 tỷ đồng tương ứng giảm 63% so với cùng kỳ năm 2022 là do các nguyên nhân chính sau đây:

- Lợi nhuận gộp năm 2023 giảm giảm 30% tương ứng giảm 98 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 do giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xăng dầu tại Công ty mẹ vì đã chuyển giao về cho Công ty con tiếp quản và lợi nhuận giảm do doanh thu bán giao căn hộ tại dự án TM7 tỉnh Bắc Giang phần lớn đã hoàn thành năm 2022.
- Chi phí quản lý năm 2023 tăng 25,9 tỷ đồng tương ứng tăng 37% so với cùng kỳ năm 2022 do công ty đầu tư xây dựng hệ thống chuyển đổi số trong công tác quản lý theo xu thế thời đại công nghệ 4.0. Và do chi phí thuế TNDN năm 2023 của Chi nhánh Bắc Ninh tăng 4 tỷ tương ứng tăng 14% so với cùng kỳ năm 2022

➤ **Tại BCTC Hợp nhất:**

		Đơn vị tính: Đồng Việt Nam			
CHỈ TIÊU		KQKD Kiểm Toán Năm 2023	KQKD Kiểm Toán Năm 2022	Thay đổi	Tỷ lệ %
		(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4) = (3) / (2)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,309,759,343,058	1,453,972,737,528	(144,213,394,470)	-10%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	0%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,309,759,343,058	1,453,972,737,528	(144,213,394,470)	-10%
4.	Giá vốn hàng bán	1,050,759,212,897	1,112,783,389,847	(62,024,176,950)	-6%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	259,000,130,161	341,189,347,681	(82,189,217,520)	-24%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	23,555,005,251	33,927,729,221	(10,372,723,970)	-31%
7.	Chi phí tài chính	91,861,265,361	157,722,744,939	(65,861,479,578)	-42%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>86,451,685,510</i>	<i>74,298,442,796</i>	<i>12,153,242,714</i>	<i>16%</i>
8.	Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	6,825,155,529	2,079,241,126	4,745,914,403	228%
9.	Chi phí bán hàng	4,382,262,485	12,810,825,211	(8,428,562,726)	-66%
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	116,511,363,375	93,184,734,074	23,326,629,301	25%
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	76,625,399,720	113,478,013,804	(36,852,614,084)	-32%
12.	Thu nhập khác	2,728,599,407	881,893,560	1,846,705,847	209%
13.	Chi phí khác	1,328,579,439	6,709,448,427	(5,380,868,988)	-80%
14.	Lợi nhuận khác	1,400,019,968	(5,827,554,867)	7,227,574,835	-124%
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78,025,419,688	107,650,458,937	(29,625,039,249)	-28%
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	35,524,483,393	30,193,828,130	5,330,655,263	18%
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(309,109,953)	308,720,653	(617,830,606)	-200%
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42,810,046,248	77,147,910,154	(34,337,863,906)	-45%

Lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo Hợp nhất kiểm toán năm 2023 giảm 34 tỷ đồng tương ứng giảm 45% so với cùng kỳ năm 2022 là do các nguyên nhân chính sau đây:

- Lợi nhuận gộp năm 2023 giảm 82 tỷ đồng tương ứng giảm 24% do giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xăng dầu tại Công ty mẹ vì đã chuyển giao về cho Công ty con tiếp quản và lợi nhuận giảm do tiến độ bàn giao căn hộ tại dự án TM7 tỉnh Bắc Giang phần lớn đã hoàn thành năm 2022
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 giảm 31% tương ứng giảm 10,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 do giảm lãi tiền gửi, các đơn vị tập trung vốn cho hoạt động kinh doanh triển khai các dự án
- Chi phí lãi vay năm 2023 tăng 16% tương ứng tăng 12 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 do tăng thêm vốn để triển khai thực hiện các dự án.
- Chi phí quản lý năm 2023 tăng 23 tỷ đồng tương ứng tăng 25% so với cùng kỳ năm 2022

## 2. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất năm 2023 trước và sau kiểm toán có biến động từ 5% trở lên

### ➤ Tại BCTC Riêng lẻ:



Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	KQKD riêng lẻ Kiểm Toán Năm 2023	KQKD năm 2022 công bố Quý 4/2023	Thay đổi	Tỷ lệ
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4) = (3) / (2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	457,054,389,480	457,054,389,480	-	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	457,054,389,480	457,054,389,480	-	
4. Giá vốn hàng bán	227,337,064,959	227,337,064,959	-	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	229,717,324,521	229,717,324,521	-	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	10,544,683,735	10,544,683,735	-	
7. Chi phí tài chính	79,521,251,696	74,687,760,092	4,833,491,604	6%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>71,791,521,746</i>	<i>71,791,521,746</i>	-	
8. Chi phí bán hàng	3,796,592,888	3,796,592,888	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	96,725,930,529	96,725,930,529	-	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	60,218,233,143	65,051,724,747	(4,833,491,604)	-7%
11. Thu nhập khác	2,598,286,404	2,598,286,404	-	
12. Chi phí khác	936,415,098	936,415,098	-	
13. Lợi nhuận khác	1,661,871,306	1,661,871,306	-	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61,880,104,449	66,713,596,053	(4,833,491,604)	-7%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33,225,728,094	33,225,728,094	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(765,592,089)	(765,592,089)	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29,419,968,444	34,253,460,048	(4,833,491,604)	-14%

Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo Riêng lẻ năm 2023 đã kiểm toán giảm 4,8 tỷ đồng so với trước kiểm toán là do kiểm toán trích lập dự phòng đầu tư tài chính theo quy định nên làm tăng chi phí tài chính lên 6% so với trước kiểm toán và lợi nhuận sau thuế giảm 4,8 tỷ đồng tương ứng giảm 14% so với trước công bố.

➤ Tại BCTC Hợp nhất:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

A Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung M (028) 3715 9909  
P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, TP.HCM F (028) 5437 1074

VPĐD Miền Nam  
12 Phạm Đình Toái,  
P.6, Q.3, TP.HCM

VPĐD Miền Bắc  
193 Trích Sài,  
P.Bưởi, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

Chi nhánh Bắc Ninh  
KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn,  
Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh

5063  
TY  
KIỂM  
TOÁN  
Độc lập  
ĐIỀU  
KIỂM

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	KQKD Kiểm Toán Năm 2023	KQKD Năm 2023 tại BC công bố Q4/2023	Thay đổi	Tỷ lệ %
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4) = (3) / (2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,309,759,343,058	1,308,667,256,960	1,092,086,098	0.1%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,309,759,343,058	1,308,667,256,960	1,092,086,098	0.1%
4. Giá vốn hàng bán	1,050,759,212,897	1,050,195,817,569	563,395,328	0.1%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	259,000,130,161	258,471,439,391	528,690,770	0.2%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	23,555,005,251	23,554,984,696	20,555	-
7. Chi phí tài chính	91,861,265,361	88,725,806,242	3,135,459,119	3.5%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>56,451,685,510</i>	<i>56,375,792,566</i>	<i>72,892,444</i>	<i>0.1%</i>
8. Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	6,825,155,529	6,824,841,155	314,374	-
9. Chi phí bán hàng	4,382,262,485	4,890,161,398	(507,898,913)	-10.4%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	116,511,363,375	115,605,532,376	905,830,999	0.8%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	76,625,399,720	79,629,765,226	(3,004,365,506)	-3.8%
12. Thu nhập khác	2,728,599,407	2,728,599,407	-	-
13. Chi phí khác	1,328,579,439	1,328,579,439	-	-
14. Lợi nhuận khác	1,400,019,968	1,400,019,968	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78,025,419,688	81,029,785,194	(3,004,365,506)	-3.7%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35,524,483,393	35,512,906,034	11,577,359	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(309,109,953)	(666,060,349)	356,950,396	-53.6%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42,810,046,248	46,182,939,509	(3,372,893,261)	-7.3%

Tương tự báo cáo Riêng lẻ, lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo Hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán giảm 3,3 tỷ đồng tương ứng giảm 7.3% so với trước kiểm toán

Trân trọng .

CTY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN CẨM PHƯƠNG